

TỜ TRÌNH
Về việc thông qua sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 22 tháng 5 năm 2020;

Để đảm bảo phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp 2020, Luật Chứng khoán 2019, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP và mẫu Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định tại Phụ lục II Thông tư 116/TT-BTC ngày 31/12/2020 và Điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị công ty theo Phụ lục đính kèm.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT (để b/c);
- Ban KS;
- Lưu: VT, HCLĐ.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Trọng Oánh

Phụ lục
NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
(Kèm theo Tờ trình số .../TTr-TĐĐHD ngày .../.../2021)

STT	Nội dung cũ	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi
1	<p>Điều 2. Giải thích thuật ngữ</p> <p>3. “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, Khoản 34 Điều 6 của Luật Chứng khoán;</p> <p>7. “Người quản lý doanh nghiệp” được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>9. “Công ty đại chúng” là công ty cổ phần được quy định tại khoản 1 Điều 25 Luật chứng khoán;</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung như sau:</p> <p>3. “Người có liên quan” là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán 2019;</p> <p>7. “Người quản lý doanh nghiệp” được quy định tại khoản 24 Điều 4 Luật Doanh nghiệp 2020;</p> <p>9. “Công ty đại chúng” là công ty cổ phần được quy định tại khoản 1 Điều 32 Luật Chứng khoán 2019;</p>	Phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp 2020, Luật Chứng khoán 2019
2	Chương II TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	Chương II. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	
3		<p>Bổ sung Điều 6. Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.</p>	Phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 2 Phụ lục 2

		<p>Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.</p> <p>2. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông được quy định cụ thể trong Điều lệ công ty.</p> <p>3. Tùy theo tình hình thực tế Công ty có thể tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên bằng các hình thức sau:</p> <p>a) Họp trực tiếp: Cổ đông hoặc đại diện cổ đông đến tham dự trực tiếp tại địa điểm Công ty thông báo tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên.</p> <p>b) Hội nghị trực tuyến.</p>	<p>Thông tư 116/2020/TT-BTC</p> <p>Điều 14 Điều lệ công ty</p>
4	<p>Điều 6. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Công ty phải tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc bất thường. Trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định như sau:</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung như sau:</p> <p>Điều 7. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 2 Phụ lục 2 Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

<p>1. Các hình thức tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên.</p> <p>Tùy theo tình hình thực tế Công ty có thể tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên bằng các hình thức sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Họp trực tiếp: Cổ đông hoặc đại diện cổ đông đến tham dự trực tiếp tại địa điểm Công ty thông báo tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên. - Họp trực tuyến: <ul style="list-style-type: none"> + Để đảm bảo Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức đúng thời gian quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị quyết định hình thức tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bằng hình thức họp trực tuyến khi: Xảy ra các tình huống bất khả kháng như chiến tranh, dịch bệnh...không cho phép Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bằng hình thức trực tiếp; + Sử dụng các ứng dụng họp trực tuyến để cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp, Công ty cung cấp user hoặc đường link cho các cổ đông đăng ký tham dự cuộc họp, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông được quy định cụ thể tại Quy chế tổ chức đại hội ban hành trước khi tổ chức Đại hội đồng cổ đông 	<p>thường niên, bất thường và quyết định các vấn đề sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> a) Thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội đồng cổ đông; b) Ngày đăng ký cuối cùng; c) Chương trình và nội dung cuộc họp: Xác định cơ cấu cuộc họp, các vấn đề cần được đưa ra thảo luận và thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; d) Các thủ tục trong việc thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông thường niên tới các cổ đông; đ) Hình thức và nội dung, cách thức biểu quyết; Báo cáo của các bộ phận tại cuộc họp. e) Các công việc khác quy định tại Điều 18 Điều lệ công ty <p>2. Lập và thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông</p> <ol style="list-style-type: none"> a) Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng; b) Công ty phải gửi đầy đủ các tài liệu (Nghị quyết Hội 	<p>Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều lệ công ty</p>
---	--	--

<p>thường niên hàng năm; Cổ đông thực hiện quyền biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử (E-Voting) quy định chi tiết tại Hướng dẫn thực hiện bỏ phiếu điện tử theo phụ lục đính kèm.</p> <p>2. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>a) Đưa ra các quyết định triệu tập họp</p> <p>Hội đồng quản trị quyết định các vấn đề sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội đồng cổ đông; - Ngày đăng ký cuối cùng; - Chương trình và nội dung cuộc họp: Xác định cơ cấu cuộc họp, các vấn đề cần được đưa ra thảo luận và thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; - Các thủ tục trong việc thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông thường niên tới các cổ đông; - Hình thức và nội dung, cách thức biểu quyết; Báo cáo của các bộ phận tại cuộc họp... <p>b) Lập danh sách cổ đông</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông 	<p>đồng quản trị, thông báo chốt danh sách cổ đông,...) đồng thời công bố thông tin về ngày đăng ký cuối dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu để tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.</p> <p>3. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu</p>	
---	---	--

<p>tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;</p> <p>- Công ty phải gửi đầy đủ các tài liệu (nghị quyết Hội đồng quản trị, thông báo chốt danh sách cổ đông,...) đồng thời công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng chậm nhất 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.</p> <p>3. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau:</p> <p>a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b) Gửi thông báo mời họp chậm nhất 15 ngày trước ngày khai mạc bằng phương thức bảo đảm kèm các tài liệu phục vụ trong chương trình họp, đồng thời công bố trên website của công ty, Sở Giao dịch chứng khoán, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;</p> <p>- Đối với cổ đông bên ngoài Công ty: Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi đến cổ đông qua đường bưu điện, bằng phương thức bảo đảm tới địa chỉ</p>	<p>họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:</p> <p>a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;</p> <p>b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường họp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;</p> <p>c) Phiếu biểu quyết;</p> <p>d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.</p> <p>4. Kiến nghị của cổ đông đưa vào chương trình họp</p> <p>a) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ công ty có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.</p> <p>b) Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại điểm a khoản này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ</p>	
--	---	--

<p>đã đăng ký của cổ đông hoặc chuyển tận tay, hoặc gửi tới số fax, địa chỉ thư điện tử của cổ đông đó;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với cổ đông là người làm việc trong Công ty: Thông báo sẽ được đựng trong phong bì dán kín gửi tận tay cổ đông tại nơi làm việc. <p>c) Trường hợp Công ty đã đăng tải lên trang thông tin điện tử các tài liệu phục vụ Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp vẫn phải được gửi bằng phương thức bảo đảm, trong đó ghi rõ nơi, cách thức tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp; - Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên; - Phiếu biểu quyết; - Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp; - Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp. <p>4. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tất cả cổ đông có quyền dự họp phải thực hiện thủ tục 	<p>trường hợp quy định bị từ chối theo khoản 5 Điều 18 Điều lệ công ty; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.</p> <p>5. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>a) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>b) Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.</p> <p>Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình</p>	
---	---	--

<p>đăng ký cổ đông trước ngày khai mạc cuộc họp;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp cổ đông có quyền dự họp không thể đến dự Đại hội đồng cổ đông, có thể ủy quyền lại cho người khác tham dự. Việc ủy quyền phải được lập thành văn bản có ghi rõ phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền và nội dung khác theo quy định của pháp luật. Và khi đến dự người được ủy quyền phải xuất trình giấy ủy quyền, chứng minh thư (Hộ chiếu) cho Ban tổ chức Đại hội; - Từng cổ đông hoặc đại diện ủy quyền có quyền biểu quyết sẽ được Công ty cấp cho 01 thẻ biểu quyết có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên của đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó; - Cổ đông vẫn có quyền tham gia đại hội khi cuộc họp đã khai mạc và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. <p>5. Cách thức bỏ phiếu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đại hội đồng cổ đông thực hiện nguyên tắc bầu cử trực tiếp bằng hình thức bỏ phiếu kín, theo phương thức dồn phiếu; - Mỗi cổ đông hoặc đại diện cổ đông tham dự có mặt tại Đại hội đồng cổ đông vào thời điểm bầu cử có một 	<p>thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).</p> <p>6. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Tất cả cổ đông có quyền dự họp phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông trước ngày khai mạc cuộc họp; b) Trường hợp cổ đông có quyền dự họp không thể đến dự Đại hội đồng cổ đông, có thể ủy quyền lại cho người khác tham dự. Việc ủy quyền được quy định tại khoản 5 Điều này; c) Từng cổ đông hoặc đại diện ủy quyền có quyền biểu quyết sẽ được Công ty cấp cho 01 thẻ biểu quyết có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên của đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó; d) Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi. <p>7. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Tỷ lệ đại biểu tham dự họp theo quy định phải được 	
---	---	--

<p>phiếu bầu cho từng chức danh, trong đó ghi rõ mã số cổ đông, số cổ phần sở hữu và tổng số quyền bầu cử;</p> <p>- Cổ đông bỏ phiếu vào thùng phiếu tuân tự theo quy định của Ban tổ chức Đại hội.</p> <p>6. Cách thức kiểm phiếu:</p> <p>Việc kiểm phiếu được Ban Kiểm phiếu tiến hành theo từng vấn đề trong nội dung chương trình họp theo cách thức: Kiểm số phiếu biểu quyết tán thành trước, sau đó kiểm số phiếu biểu quyết không tán thành sau rồi đến số phiếu không có ý kiến; Tổng hợp riêng kết quả mỗi loại.</p> <p>7. Thông báo kết quả kiểm phiếu:</p> <p>Việc kiểm phiếu phải được lập thành biên bản và kết quả kiểm phiếu phải được công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.</p> <p>8. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>- Các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông đã được thông qua theo đúng quy định tại Điều 21 của Điều lệ công ty thì các phản đối của cổ đông không cần phải xem xét lại;</p>	<p>công bố ngay sau khi kết thúc việc đăng ký cổ đông dự họp và trước khi cổ đông thực hiện biểu quyết;</p> <p>b) Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết;</p> <p>c) Trường hợp cuộc họp thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại điểm b khoản này, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Đại hội phải được triệu tập lại theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 19 Điều lệ công ty.</p> <p>8. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>a) Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ công ty;</p> <p>b) Định hướng phát triển công ty;</p> <p>c) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</p> <p>d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát;</p> <p>đ) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo</p>	
--	---	--

<p>- Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <p>+ Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Quy chế này;</p> <p>+ Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty;</p> <p>+ Ngoài những quy định trên, cổ đông (người đại diện), thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát chỉ có quyền phản đối các quyết định của Đại hội đồng cổ đông ngay trước khi các quyết định đó được thông qua tại Đại Hội.</p> <p>9. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>- Biên bản Đại hội đồng cổ đông được lập bằng tiếng</p>	<p>tài chính gần nhất của công ty;</p> <p>e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;</p> <p>g) Tổ chức lại, giải thể công ty.</p> <p>9. Cách thức bỏ phiếu</p> <p>a) Đại hội đồng cổ đông bầu Ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp;</p> <p>b) Người đăng ký dự họp sẽ sử dụng Thẻ biểu quyết đã được cấp để biểu quyết cho từng vấn đề cần biểu quyết trong chương trình họp;</p> <p>c) Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu thẻ biểu quyết tán thành, sau đó thu thẻ biểu quyết không tán thành, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định;</p> <p>d) Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số</p>	
--	---	--

<p>Việt, bao gồm các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; + Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông; + Chương trình họp và nội dung cuộc họp; + Họ, tên chủ tọa và thư ký; + Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp; + Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng; + Tổng số phiếu biểu quyết với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến, tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp; + Các quyết định đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng; + Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký. 	<p>phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mỗi cổ đông hoặc đại diện cổ đông tham dự có mặt tại Đại hội đồng cổ đông vào thời điểm bầu cử có một phiếu bầu cho từng chức danh, trong đó ghi rõ mã số cổ đông, số cổ phần sở hữu và tổng số quyền bầu cử; - Cổ đông bỏ phiếu vào thùng phiếu tuân tự theo quy định của Ban tổ chức Đại hội; - Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty; - Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty. <p>10. Cách thức kiểm phiếu</p> <p>a) Ban kiểm phiếu thực hiện kiểm tra lại số thẻ biểu quyết thu về so với số thẻ biểu quyết phát ra;</p>	
---	---	--

<p>- Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được lập xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản;</p> <p>- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.</p> <p>10. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày quyết định được thông qua, Nghị quyết ĐHĐCĐ được thông báo đến các cổ đông có quyền dự họp. Việc công bố thông tin ra công chúng được thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán cùng các văn bản khác có liên quan.</p> <p>11. Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản</p> <p>A. Quy trình lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:</p> <p>1. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông</p>	<p>b) Việc kiểm phiếu được Ban Kiểm phiếu tiến hành theo từng vấn đề trong nội dung chương trình họp theo cách thức: Kiểm số phiếu biểu quyết tán thành trước, sau đó kiểm số phiếu biểu quyết không tán thành sau rồi đến số phiếu không có ý kiến. Tổng hợp riêng kết quả mỗi loại.</p> <p>11. Điều kiện để nghị quyết được thông qua</p> <p>Điều kiện để nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua quy định tại Điều 21 Điều lệ công ty.</p> <p>12. Thông báo kết quả kiểm phiếu</p> <p>Việc kiểm phiếu phải được lập thành biên bản và kết quả kiểm phiếu phải được công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.</p> <p>13. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>a) Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến</p>	
--	---	--

<p>có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến, nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 137 của Luật Doanh nghiệp 2014. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 139 của Luật Doanh nghiệp 2014.</p> <p>2. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</p> <p>b) Mục đích lấy ý kiến;</p> <p>c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;</p>	<p>công ty trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này;</p> <p>b) Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại điểm a khoản này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.</p> <p>14. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>a) Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; - Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông; - Chương trình và nội dung cuộc họp; - Họ, tên chủ tọa và thư ký; 	
--	--	--

<p>d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;</p> <p>đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;</p> <p>e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;</p> <p>g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.</p> <p>3. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty theo một trong các hình thức sau đây:</p> <p>a) Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;</p> <p>b) Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.</p> <p>Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp; - Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng; - Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp; - Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng; - Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký. <p>Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.</p> <p>b) Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư</p>	
---	--	--

<p>gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;</p> <p>Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.</p> <p>4. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban Kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty.</p> <p>Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</p> <p>b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;</p> <p>c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;</p>	<p>ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản;</p> <p>c) Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.</p> <p>15. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông</p> <p>a) Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông qua; trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty;</p> <p>b) Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở</p>	
---	---	--

<p>d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;</p> <p>đ) Các vấn đề đã được thông qua;</p> <p>e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của công ty, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.</p> <p>Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;</p> <p>B. Các trường hợp không được lấy ý kiến bằng văn bản:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ công ty; 2. Định hướng phát triển Công ty; 3. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; 4. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát; 5. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong 	<p>chính của Công ty.</p> <p>Điều 8. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Để đảm bảo Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức đúng thời gian quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có quyền quyết định tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tuyến trong trường hợp xảy ra các tình huống bất khả kháng như chiến tranh, dịch bệnh... không cho phép Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức trực tiếp. 2. Sử dụng các ứng dụng họp trực tuyến để cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp. Công ty cung cấp user hoặc đường link cho các cổ đông đăng ký tham dự cuộc họp, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông được quy định cụ thể tại Quy chế tổ chức đại hội ban hành trước khi tổ chức Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông thực hiện quyền biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử (E-Voting). 3. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến; việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến; điều kiện tiến hành; hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trực tuyến; lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và việc công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Điều 7 Quy chế này. 4. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực 	
---	--	--

<p>báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn do Điều lệ công ty quy định;</p> <p>6. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;</p> <p>7. Tổ chức lại, giải thể Công ty.</p>	<p>tuyên; cách thức bỏ phiếu trực tuyến; cách thức kiểm phiếu trực tuyến; thông báo kết quả kiểm phiếu và các vấn đề khác liên quan thực hiện theo quy định về Hướng dẫn thực hiện bỏ phiếu điện tử của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD).</p> <p>Điều 9. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản</p> <p>1. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 141 của Luật Doanh nghiệp 2020. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ công ty.</p> <p>2. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</p> <p>b) Mục đích lấy ý kiến;</p> <p>c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý</p>	
---	---	--

của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

3. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai

được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

4. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban Kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông

tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

5. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ các trường hợp quy định tại khoản 8 Điều 7 Quy chế này.

Điều 10. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ

		<p>đồng, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp 2020 có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ công ty. 2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này. 3. Ngoài những quy định trên, cổ đông (người đại diện), thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát chỉ có quyền phản đối các quyết định của Đại hội đồng cổ đông ngay trước khi các quyết định đó được thông qua tại Đại hội. 	
5	<p>Điều 7. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông phải tối thiểu có các nội dung sau:</p> <p>- Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả</p>	<p>Sửa đổi Điều 11. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông như sau:</p> <p>Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông phải tối thiểu có các nội dung sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả 	Phù hợp với quy định Luật Doanh nghiệp 2020

	<p>hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 3 Điều 158 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty; - Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị; - Kết quả đánh giá của thành viên độc lập Hội đồng quản trị về hoạt động của Hội đồng quản trị (nếu có); - Hoạt động của các tiểu ban khác thuộc Hội đồng quản trị (nếu có); - Kết quả giám sát đối với Tổng Giám đốc; - Kết quả giám sát đối với người điều hành khác; - Các kế hoạch trong tương lai. 	<p>hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị</p> <ol style="list-style-type: none"> 2. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 3 Điều 163 Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều lệ công ty. 3. Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị. 4. Kết quả đánh giá của thành viên độc lập Hội đồng quản trị về hoạt động của Hội đồng quản trị (nếu có). 5. Hoạt động của các tiểu ban khác thuộc Hội đồng quản trị (nếu có). 6. Kết quả giám sát đối với Tổng Giám đốc 7. Kết quả giám sát đối với người điều hành khác. 8. Các kế hoạch trong tương lai. 	
6	<p>Điều 8. Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông phải tối thiểu có các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; - Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và của từng Kiểm soát viên; 	<p>Sửa đổi Điều 12. Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông như sau:</p> <p>Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông phải tối thiểu có các nội dung sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc. 2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và của từng thành viên Ban Kiểm soát. 	Phù hợp với quy định Luật Doanh nghiệp 2020

	<ul style="list-style-type: none"> - Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng Kiểm soát viên theo quy định tại khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty; - Tổng kết các cuộc họp của Ban Kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát; - Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty; - Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác; - Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông. 	<ol style="list-style-type: none"> 3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại khoản 3 Điều 172 Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều lệ công ty. 4. Tổng kết các cuộc họp của Ban Kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát. 5. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty 6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác. 7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông. 	
7		<p>Bổ sung Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị như sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. 2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị được quy định cụ thể tại Điều lệ công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. 3. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị <ol style="list-style-type: none"> a) Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng 	Phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 3 Phụ lục 2 Thông tư 116/2020/TT-BTC

		<p>Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc), người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.</p> <p>b) Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.</p>	
8	<p>Điều 9. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>Theo quy định tại Điều 151 của Luật Doanh nghiệp, Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <p>a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp 2014;</p> <p>b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định khác.</p> <p>c) Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác.</p> <p>d) Không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Tổng Giám đốc</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung Điều 14. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị như sau:</p> <p>1. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>a) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 03 người;</p> <p>b) Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.</p> <p>2. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>a) Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau: Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều</p>	<p>Phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 3 Phụ lục 2 Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

<p>và người quản lý khác của Công ty; không được là người có liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.</p> <p>2. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông đề cử và ứng cử người vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>2.1. Cách thức đề cử và ứng cử vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị:</p> <p>Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:</p> <p>a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;</p> <p>b) Trình độ học vấn;</p> <p>b) Trình độ chuyên môn;</p> <p>c) Quá trình công tác;</p> <p>d) Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý</p>	<p>hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị;</p> <p>b) Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp 2020; - Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác; - Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác; - Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ. <p>c) Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc.</p> <p>3. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>a) Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, công ty đại chúng phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung</p>	
--	--	--

<p>khác;</p> <p>e) Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;</p> <p>f) Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);</p> <p>g) Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);</p> <p>i) Các thông tin khác (nếu có).</p> <p>Công ty phải đảm bảo cổ đông có thể tiếp cận thông tin về các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng viên Hội đồng quản trị (nếu có).</p> <p>2.2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.</p>	<p>thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Họ tên, ngày, tháng, năm sinh; - Trình độ chuyên môn; - Quá trình công tác; - Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác); - Lợi ích có liên quan tới công ty và các bên có liên quan của công ty; - Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty. <p>Công ty phải đảm bảo cổ đông có thể tiếp cận thông tin về các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng viên Hội đồng quản trị (nếu có).</p> <p>b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</p> <p>4. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị</p>	
---	---	--

<p>3. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>a) Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>Số lượng, nhiệm kỳ và cơ cấu của thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại Khoản 1, 2 Điều 26 của Điều lệ công ty.</p> <p>b) Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>- Việc bầu cử thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Chủ tọa Đại hội giới thiệu danh sách đề cử đề đại hội thống nhất thông qua. Ban kiểm phiếu Đại hội đồng cổ đông công bố thể lệ bầu cử, phát phiếu bầu cử cho các cổ đông (đại diện cổ đông) có mặt dự họp và tiến hành bầu cử và kiểm phiếu bầu cử thành viên Hội đồng quản trị. Người trúng cử vào Hội đồng quản trị phải là người có đủ tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 của Điều này và phải đạt được từ 51% cổ phần trở lên có quyền biểu quyết có mặt dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành và lấy từ cao xuống thấp đảm bảo đủ số lượng thành viên Hội đồng quản trị theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>- Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p> <p>4. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị</p>	<p>a) Việc bầu cử thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Chủ tọa Đại hội giới thiệu danh sách đề cử đề đại hội thống nhất thông qua. Ban kiểm phiếu Đại hội đồng cổ đông công bố thể lệ bầu cử, phát phiếu bầu cử cho các cổ đông (đại diện cổ đông) có mặt dự họp và tiến hành bầu cử và kiểm phiếu bầu cử thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>b) Cách thức bầu cử được quy định tại điểm d khoản 9 Điều 7 Quy chế này. Người trúng cử vào Hội đồng quản trị phải là người có đủ tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty;</p> <p>c) Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty;</p> <p>d) Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.</p> <p>5. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>a) Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</p>	
---	---	--

<p>a) Thành viên Hội đồng quản trị bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không có đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 151 của Luật Doanh nghiệp; - Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng; - Có đơn xin từ chức; - Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi; - Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty. <p>b) Các trường hợp trên, thành viên Hội đồng quản trị khi bị miễn nhiệm phải được quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c) Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p> <p>5. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị:</p> <p>a) Việc đề cử ứng viên vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị phải được lập thành văn bản và gửi đến Hội đồng quản trị đương nhiệm;</p> <p>b) Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp 2020; - Có đơn từ chức và được chấp thuận; - Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty. <p>b) Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng; - Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty. <p>c) Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản này.</p> <p>6. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.</p> <p>7. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị:</p> <p>a) Việc đề cử ứng viên vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị phải được lập thành văn bản và gửi đến Hội đồng quản trị đương nhiệm;</p> <p>b) Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị</p>	
--	--	--

	<p>thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.</p>	<p>thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên. Việc Hội đồng quản trị giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.</p> <p>8. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p> <p>a) Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>b) Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị;</p> <p>c) Việc bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị quy định tại khoản 5 Điều này.</p>	
9		<p>Bổ sung Điều 15. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị như sau:</p> <p>Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 28 Điều lệ công ty và</p>	<p>Phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 3 Phụ lục 2</p>

		Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị;	Thông tư 116/2020/TT-BTC
10	<p>Điều 10. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị</p> <p>Hội đồng quản trị phải tổ chức họp ít nhất mỗi quý 01 lần theo trình tự được quy định tại Khoản 2 Điều 30 của Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty. Trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị cụ thể như sau:</p> <p>1. Thông báo họp Hội đồng quản trị</p> <p>- Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.</p> <p>Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị</p>	<p>Sửa đổi Điều 16. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị như sau:</p> <p>1. Số lượng cuộc họp tối thiểu theo tháng/quý/năm</p> <p>Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.</p> <p>2. Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường</p> <p>Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Có đề nghị của Ban Kiểm soát;</p> <p>b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;</p> <p>c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>d) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.</p> <p>Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.</p> <p>3. Thông báo họp Hội đồng quản trị</p> <p>a) Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác theo quyết</p>	<p>Phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 3 Phụ lục 2 Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

<p>và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa điểm họp: Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị; - Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết; - Tùy vào tình hình thực tế, cuộc họp Hội đồng quản trị có thể mời thêm một số thành viên khác tham dự khi bàn những nội dung có liên quan. <p>2. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị</p> <p>Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, kể từ ngày nhận được đề nghị bằng văn bản của một trong số các đối tượng dưới đây nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận: <ul style="list-style-type: none"> + Ban Kiểm soát; + Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác; + Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị; 	<p>định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị;</p> <p>b) Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên;</p> <p>c) Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty;</p> <p>d) Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>đ) Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết;</p> <p>e) Tùy vào tình hình thực tế, cuộc họp Hội đồng quản trị có thể mời thêm một số thành viên khác tham dự khi thảo luận những nội dung có liên quan.</p> <p>4. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị</p> <p>Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4</p>	
---	---	--

<p>+ Các trường hợp khác (nếu có).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty. - Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận. <p>Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các điều kiện khác quy định theo Điều 153 - Luật Doanh nghiệp. <p>3. Cách thức biểu quyết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết. - Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín 	<p>tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.</p> <p>5. Cách thức biểu quyết</p> <p>a) Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; - Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 7 Điều này; - Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; - Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử; - Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty. <p>b) Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp</p>	
---	--	--

<p>và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.</p> <p>4. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định. - Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp. <p>5. Ghi biên bản họp Hội đồng quản trị</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi vào sổ biên bản; - Biên bản họp Hội đồng quản trị lập bằng tiếng Việt, có thể cả bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau: <ul style="list-style-type: none"> - Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; - Mục đích, chương trình và nội dung họp; - Thời gian, địa điểm họp; 	<p>6. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị</p> <p>Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p> <p>7. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.</p> <p>8. Lập biên bản họp Hội đồng quản trị</p> <p>a) Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; - Thời gian, địa điểm họp; - Mục đích, chương trình và nội dung họp; - Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do; - Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp; 	
---	--	--

<p>- Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;</p> <p>- Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;</p> <p>- Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;</p> <p>- Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;</p> <p>- Các vấn đề đã được thông qua;</p> <p>- Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản.</p> <p>Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.</p> <p>6. Thông báo nghị quyết Hội đồng quản trị:</p> <p>Các nghị quyết của Hội đồng quản trị phải được thông báo cho Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và công bố thông tin theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p>	<p>- Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;</p> <p>- Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;</p> <p>- Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;</p> <p>- Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại điểm i khoản này.</p> <p>b) Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.</p> <p>9. Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị</p> <p>Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại điểm a khoản 8 Điều này (trừ nội dung “Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng”) thì biên bản này có hiệu lực.</p> <p>10. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị</p> <p>Các nghị quyết của Hội đồng quản trị phải được thông báo cho Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và công bố thông tin theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p>	
---	--	--

11	<p>Chương V THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</p> <p>Điều 13. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị</p> <p>1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng.</p> <p>2. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị.</p> <p>3. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>4. Hội đồng quản trị quy định chi tiết về việc thành lập tiểu ban, trách nhiệm của từng tiểu ban, trách nhiệm của thành viên của tiểu ban hoặc trách nhiệm của thành viên độc lập được cử phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng.</p>	<p>Điều 17. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị</p> <p>1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro.</p> <p>2. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị.</p> <p>3. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.</p> <p>4. Hội đồng quản trị quy định chi tiết về việc thành lập tiểu ban, trách nhiệm của từng tiểu ban, trách nhiệm của thành viên của tiểu ban hoặc trách nhiệm của thành viên độc lập được cử phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro.</p>	Phù hợp với quy định tại khoản 6 Điều 3 Phụ lục 2 Thông tư 116/2020/TT-BTC
12	<p>Chương VIII NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY</p>	<p>Điều 18. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty</p>	Phù hợp với quy định tại khoản 7 Điều

<p>Điều 17. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty</p> <p>1. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có hiểu biết về pháp luật; - Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty; - Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và quyết định của Hội đồng quản trị. <p>2. Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty</p> <p>Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 152 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>3. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị công ty</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông; b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát; 	<p>1. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty</p> <p>Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.</p> <p>2. Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty</p> <p>Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp 2020.</p> <p>3. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị công ty</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông; b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát; c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp; d) Tham dự các cuộc họp; đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật; e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên 	<p>3 Phụ lục 2 Thông tư 116/2020/TT- BTC</p>
---	---	--

<p>c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;</p> <p>d. Tham dự các cuộc họp, lập biên bản và nghị quyết cuộc họp;</p> <p>e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;</p> <p>f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;</p> <p>g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.</p> <p>h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;</p> <p>i. Bảo quản, lưu giữ hồ sơ, tài liệu của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị; cung cấp và thông báo cho các đối tượng liên quan về các nghị quyết, văn bản của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị theo quy định của Công ty;</p> <p>j. Được trực tiếp làm việc với các cán bộ, nhân viên của Công ty và các cơ quan, đơn vị khác để giải quyết công việc trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao; chịu trách nhiệm cá nhân trước Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị về công việc được giao;</p> <p>k. Được hưởng lương, phụ cấp, các chế độ khác và có các nhiệm vụ, quyền hạn khác được quy định đối với các cán bộ, nhân viên chuyên môn, nghiệp vụ của Công</p>	<p>ty của Hội đồng quản trị và thành viên Ban Kiểm soát;</p> <p>g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.</p> <p>h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan</p> <p>i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;</p> <p>k) Bảo quản, lưu giữ hồ sơ, tài liệu của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị; cung cấp và thông báo cho các đối tượng liên quan về các nghị quyết, văn bản của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị theo quy định của Công ty;</p> <p>l) Được trực tiếp làm việc với các cán bộ, nhân viên của Công ty và các cơ quan, đơn vị khác để giải quyết công việc trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao; chịu trách nhiệm cá nhân trước Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị về công việc được giao;</p> <p>m) Được hưởng lương, phụ cấp, các chế độ khác và có các nhiệm vụ, quyền hạn khác được quy định đối với các cán bộ, nhân viên chuyên môn, nghiệp vụ của Công ty;</p> <p>n) Đối với Người phụ trách quản trị công ty làm công tác kiêm nhiệm, được hưởng tiền thù lao kiêm nhiệm (mức thù lao do lãnh đạo Công ty thống nhất chi trả phù hợp với tình hình thực tế tại từng thời điểm), nguồn hạch toán vào quỹ lương người lao động của Công ty;</p> <p>o) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp</p>	
---	---	--



	<p>ty.</p> <p>l. Đối với Người phụ trách quản trị công ty làm công tác kiêm nhiệm, được hưởng tiền thù lao kiêm nhiệm (mức thù lao do lãnh đạo Công ty thống nhất chi trả phù hợp với tình hình thực tế tại từng thời điểm), nguồn hạch toán vào quỹ lương người lao động của Công ty.</p> <p>m. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p> <p>4. Miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty</p> <p>Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.</p> <p>5. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty</p> <p>Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty phải được thông báo theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p>	<p>luật và Điều lệ công ty.</p> <p>4. Miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty</p> <p>Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.</p> <p>5. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty</p> <p>Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.</p>	
13	Chương IV BAN KIỂM SOÁT VÀ KIỂM SOÁT VIÊN	Chương IV. BAN KIỂM SOÁT	
14		<p>Bổ sung Điều 19. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát như sau:</p> <p>1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết</p>	<p>Phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 4 Phụ lục 2</p>

		<p>Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.</p> <p>2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.</p> <p>3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.</p> <p>4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</p> <p>5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.</p> <p>6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban Kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban Kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.</p>	<p>Thông tư 116/2020/TT- BTC</p>
15	<p>Điều 11. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Kiểm soát viên</p> <p>1. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với Kiểm soát viên:</p>	<p>Sửa đổi Điều 20. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần và cơ cấu thành viên Ban Kiểm soát như sau:</p> <p>1. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban Kiểm soát</p>	<p>Phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 4 Phụ lục 2</p>

<p>a) Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty; - Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó. <p>b) Kiểm soát viên công ty cổ phần niêm yết, công ty do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên.</p> <p>c) Trưởng ban Kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty.</p> <p>2. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên:</p> <p>a) Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 2, Điều 9 Quy chế này.</p> <p>b) Trường hợp số lượng các ứng viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban Kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban Kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban Kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.</p>	<p>a) Số lượng thành viên Ban Kiểm soát của Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế;</p> <p>b) Thành viên Ban Kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;</p> <p>c) Ban Kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam;</p> <p>d) Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban Kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.</p> <p>2. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát</p> <p>a) Thành viên Ban Kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp 2020, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty; - Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó. <p>b) Trưởng ban Kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc</p>	<p>Thông tư 116/2020/TT- BTC</p>
--	---	--

<p>3. Cách thức bầu Kiểm soát viên</p> <p>a) Nhiệm kỳ và số lượng Kiểm soát viên</p> <p>Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p>b) Cách thức bầu Kiểm soát viên</p> <p>- Việc bầu cử Kiểm soát viên được thực hiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Chủ tọa Đại hội giới thiệu danh sách đề cử để đại hội thống nhất thông qua. Ban kiểm phiếu Đại hội đồng cổ đông công bố thể lệ bầu cử, phát phiếu bầu cử cho các cổ đông (đại diện cổ đông) có mặt dự họp và tiến hành bầu cử và kiểm phiếu bầu cử Kiểm soát viên. Người trúng cử vào Ban Kiểm soát phải là người có đủ tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 4 của điều này và phải đạt được trên 50% cổ phần có quyền biểu quyết có mặt dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành và lấy từ cao xuống thấp đảm bảo đủ số lượng Kiểm soát viên theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>- Việc bổ nhiệm các Kiểm soát viên phải được thông báo theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p> <p>c) Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng ban Kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng ban Kiểm soát do Điều lệ công ty quy định.</p>	<p>chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tiêu chuẩn khác cao hơn.</p> <p>3. Đề cử, ứng cử thành viên Ban Kiểm soát</p> <p>a) Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện tương tự việc đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị quy định tại khoản 3 Điều 14 Quy chế này;</p> <p>b) Trường hợp số lượng các ứng viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban Kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật.</p> <p>4. Cách thức bầu thành viên Ban Kiểm soát</p> <p>a) Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b) Việc biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát thực hiện tương tự quy định bầu thành viên Hội đồng quản trị tại khoản 4 Điều 14 Quy chế này.</p> <p>5. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát</p> <p>a) Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:</p> <p>- Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên</p>	
---	--	--

<p>4. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên:</p> <p>1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 164 của Luật Doanh nghiệp.</p> <p>b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>c) Có đơn từ chức và được chấp thuận;</p> <p>d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p> <p>2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;</p> <p>b) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;</p> <p>c) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>3. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên phải được thông báo theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p> <p>Trường hợp số lượng các ứng viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết,</p>	<p>Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp 2020;</p> <p>- Có đơn từ chức và được chấp thuận;</p> <p>- Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.</p> <p>b) Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:</p> <p>- Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;</p> <p>- Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>- Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều lệ công ty;</p> <p>- Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>6. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát</p> <p>Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.</p> <p>7. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát</p> <p>Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát được quy định tại Điều 41 Điều lệ công ty và</p>	
---	---	--

	Ban Kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định, tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty.	Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát.	
16	<p>Điều 12. Cuộc họp của Ban Kiểm soát</p> <p>1. Ban Kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban Kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban Kiểm soát. Ban Kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp. Các Kiểm soát viên tham dự họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban Kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng Kiểm soát viên.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban Kiểm soát. Người phụ trách quản trị công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.</p>	<p>Sửa đổi Điều 21. Cuộc họp của Ban Kiểm soát như sau:</p> <p>1. Ban Kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban Kiểm soát. Biên bản họp Ban Kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban Kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban Kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban Kiểm soát.</p> <p>2. Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.</p>	Phù hợp với Điều 40 Điều lệ công ty
17	Chương VI TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU	Chương V TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU	

	HÀNH KHÁC	HÀNH KHÁC	
18	<p>Điều 14. Lựa chọn, bổ nhiệm và miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp</p> <p>Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.</p> <p>1. Các tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp</p> <p>Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm đảm bảo để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.</p> <p>2. Bổ nhiệm người điều hành doanh nghiệp</p> <p>Trình tự, thủ tục quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và đề bạt bổ nhiệm giữ các chức vụ người điều hành doanh nghiệp phải theo quy định trong Quy chế về công tác cán bộ của Công ty do Hội đồng quản trị ban hành.</p> <p>Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng</p>	<p>Sửa đổi Điều 22. Lựa chọn, bổ nhiệm và miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp như sau:</p> <p>Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Bộ máy quản lý Công ty gồm 01 Tổng Giám đốc, một số Phó Tổng Giám đốc, 01 Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.</p> <p>1. Các tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp</p> <p>Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.</p> <p>2. Bổ nhiệm người điều hành doanh nghiệp</p> <p>Trình tự, thủ tục quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và đề bạt bổ nhiệm giữ các chức vụ người điều hành doanh nghiệp phải theo quy định trong Quy chế về công tác cán bộ của Công ty do Hội đồng quản trị ban hành.</p>	

	<p>do Hội đồng quản trị bổ nhiệm sau khi được sự thống nhất thông qua của Chủ sở hữu - Tổng công ty Phát điện 1.</p> <p>3. Ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp</p> <p>Việc ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp được thực hiện theo quy định của Luật lao động;</p> <p>4. Các trường hợp miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp</p> <p>Thực hiện theo Quy chế về công tác cán bộ hiện hành của Công ty.</p> <p>5. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp</p> <p>Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp phải được thông báo theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p>	<p>Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm sau khi được sự thống nhất thông qua của Chủ sở hữu - Tổng công ty Phát điện 1.</p> <p>3. Ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp</p> <p>Việc ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp được thực hiện theo quy định pháp luật về lao động.</p> <p>4. Các trường hợp miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp</p> <p>Thực hiện theo Quy chế về công tác cán bộ hiện hành của Công ty.</p> <p>5. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp</p> <p>Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.</p>	
19		<p>Bổ sung Điều 23. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc như sau:</p> <p>1. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.</p>	<p>Phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 5 Phụ lục 2 Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

		<p>2. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;</p> <p>b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;</p> <p>c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;</p> <p>d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;</p> <p>đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;</p> <p>e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;</p> <p>g) Tuyển dụng lao động;</p> <p>h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;</p> <p>i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.</p> <p>3. Tổng Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, hợp đồng lao động ký với công ty và</p>	
--	--	--	--

		<p>ng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định tại khoản này mà gây thiệt hại cho công ty thì Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho công ty.</p>	
20		<p>Bổ sung Điều 24. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc như sau:</p> <p>1. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc</p> <p>a) Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế;</p> <p>b) Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế về công tác cán bộ của Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam.</p> <p>2. Việc bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động, miễn nhiệm và thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc thực hiện theo quy định tại Điều 22 Quy chế này.</p> <p>3. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc</p> <p>a) Tổng Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định;</p> <p>b) Tiền lương của Tổng Giám đốc và người quản lý khác</p>	<p>Phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 5 Phụ lục 2 Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

		được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.	
21		Chương VI. CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC	
22	<p>Điều 15. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc</p> <p>1. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời và tài liệu kèm theo đến Ban Kiểm soát, Trưởng ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; - Biên bản kết quả họp, Nghị quyết Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc để đảm bảo được thực hiện và giám sát; <p>2. Thông báo nghị quyết của Hội đồng quản trị cho Ban Kiểm soát:</p> <p>Tất cả các nghị quyết của Hội đồng quản trị phải được cung cấp đến Ban Kiểm soát.</p> <p>3. Các trường hợp Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề</p>	<p>Sửa đổi Điều 25. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc như sau:</p> <p>1. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời và tài liệu kèm theo đến Ban Kiểm soát. Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; b) Biên bản kết quả họp, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc để đảm bảo được thực hiện và giám sát. <p>2. Các trường hợp Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Khi có yêu cầu của một nhóm cổ đông quy định tại Điều lệ công ty; b) Có bằng chứng cho thấy cần phải triệu tập họp Hội đồng quản trị nếu không sẽ gây thiệt hại đến lợi ích của 	Phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 6 Phụ lục 2 Thông tư 116/2020/TT-BTC

<p>cần xin ý kiến Hội đồng quản trị:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khi có yêu cầu của một nhóm cổ đông quy định tại Điều lệ công ty; - Có bằng chứng cho thấy cần phải triệu tập họp Hội đồng quản trị nếu không sẽ gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty; - Có đầy đủ bằng chứng cho rằng Hội đồng quản trị thực hiện nghị quyết của mình có thể sẽ ảnh hưởng lợi ích của Công ty, vi phạm pháp luật Nhà nước; - Một số trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty; <p>4. Báo cáo của Tổng Giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổng Giám đốc phải thực hiện báo cáo với Hội đồng quản trị về việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, các kế hoạch kinh doanh, kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua; - Tổng Giám đốc phải thực hiện báo cáo với Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao và khi có yêu cầu của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông; - Một số trường hợp khác mà Tổng Giám đốc phải báo cáo với Hội đồng quản trị theo quyết định của pháp luật và Điều lệ công ty. 	<p>Công ty;</p> <ul style="list-style-type: none"> c) Có đầy đủ bằng chứng cho rằng Hội đồng quản trị thực hiện nghị quyết của mình có thể sẽ ảnh hưởng lợi ích của Công ty, vi phạm pháp luật; d) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. <p>3. Báo cáo của Tổng Giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Tổng Giám đốc phải thực hiện báo cáo với Hội đồng quản trị về việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, các kế hoạch kinh doanh, kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua; b) Tổng Giám đốc phải thực hiện báo cáo với Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao và khi có yêu cầu của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông; c) Một số trường hợp khác mà Tổng Giám đốc phải báo cáo với Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. <p>4. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc:</p> <p>Hội đồng quản trị họp đánh giá, kiểm điểm về việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng quản trị về điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Tổng Giám đốc. Việc</p>	
--	--	--

<p>5. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc:</p> <p>Hội đồng quản trị họp đánh giá, kiểm điểm về việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng quản trị về điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Tổng Giám đốc. Việc đánh giá này được thực hiện trong các buổi họp Hội đồng quản trị định kỳ.</p> <p>6. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khi có yêu cầu của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát về tình hình sản xuất kinh doanh, tình hình quản lý của Công ty. Tổng Giám đốc phải báo cáo và cung cấp đầy đủ thông tin theo yêu cầu; - Việc cung cấp thông tin của Tổng Giám đốc cho Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát phải tuân theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này. <p>7. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các Kiểm soát viên và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, thành viên Ban Tổng Giám đốc phải phối hợp hoạt động, kiểm soát, điều hành và giám sát lẫn nhau theo đúng chức năng, nhiệm vụ được quy định trong pháp 	<p>đánh giá này được thực hiện trong các buổi họp Hội đồng quản trị định kỳ.</p> <p>5. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Khi có yêu cầu của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát về tình hình sản xuất kinh doanh, tình hình quản lý của Công ty. Tổng Giám đốc phải báo cáo và cung cấp đầy đủ thông tin theo yêu cầu; b) Việc cung cấp thông tin của Tổng Giám đốc cho Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát phải tuân theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này. <p>6. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các Kiểm soát viên và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, thành viên Ban Tổng Giám đốc phải phối hợp hoạt động, kiểm soát, điều hành và giám sát lẫn nhau theo đúng chức năng, nhiệm vụ được quy định trong pháp luật và Điều lệ công ty; b) Việc phối hợp này nhằm tránh sự xung đột về quyền và nghĩa vụ, đảm bảo lợi ích cao nhất của Công ty, tuân thủ thực hiện theo các quy định của pháp luật. 	
---	--	--

	<p>luật và Điều lệ công ty;</p> <p>- Việc phối hợp này nhằm tránh sự xung đột về quyền và nghĩa vụ, đảm bảo lợi ích cao nhất của Công ty, tuân thủ thực hiện theo các quy định của pháp luật.</p>		
23	<p>Điều 16. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác</p> <p>1. Tiêu chuẩn đánh giá</p> <p>1.1. Đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Tổng Giám đốc</p> <p>a) Thực hiện có hiệu quả các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định Điều lệ, Quy chế quản trị công ty và Quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b) Điều hành có hiệu quả toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, mang lại lợi ích thiết thực chính đáng cho các cổ đông, cán bộ công nhân viên và vì sự phát triển của Công ty;</p> <p>c) Trung thành lợi ích của Công ty và cổ đông của Công ty, không lạm dụng, địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi cá nhân hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.</p> <p>1.2. Đối với người điều hành doanh nghiệp khác</p> <p>a) Thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, trung thực;</p>	<p>Sửa đổi Điều 26. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác như sau:</p> <p>1. Tiêu chuẩn đánh giá đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Tổng Giám đốc</p> <p>a) Thực hiện có hiệu quả các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b) Điều hành có hiệu quả toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, mang lại lợi ích thiết thực chính đáng cho các cổ đông, cán bộ công nhân viên và vì sự phát triển của Công ty;</p> <p>c) Trung thành lợi ích của Công ty và cổ đông của Công ty, không lạm dụng, địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi cá nhân hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.</p> <p>2. Tiêu chuẩn đối với người điều hành doanh nghiệp khác</p>	<p>Phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 6 Phụ lục 2 Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

	<p>b) Thể hiện năng lực quản lý và điều hành ở mảng công việc được phân công phụ trách;</p> <p>c) gương mẫu trong làm việc và đạo đức lối sống;</p> <p>d) Không bị kỷ luật từ khiển trách trở lên.</p> <p>2. Hệ thống khen thưởng và kỷ luật</p> <p>Áp dụng theo quy chế thi đua khen thưởng của Tổng công ty Phát điện 1 và quy chế chi trả tiền thưởng cho người quản lý Công ty (theo Quy chế quản lý vốn và Người đại diện của Chủ sở hữu - Tổng công ty Phát điện 1 và Quy chế của Công ty).</p> <p>3. Tổ chức bộ máy đánh giá, khen thưởng và kỷ luật</p> <p>Công ty thành lập Hội đồng thi đua khen thưởng - kỷ luật do Tổng Giám đốc làm Chủ tịch hội đồng, Chủ tịch Công đoàn cơ sở, Bí thư Đoàn thanh niên và cấp trưởng một số bộ phận trong Công ty làm thành viên.</p>	<p>a) Thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, trung thực;</p> <p>b) Thể hiện năng lực quản lý và điều hành ở mảng công việc được phân công phụ trách;</p> <p>c) gương mẫu trong làm việc và đạo đức lối sống;</p> <p>d) Không bị kỷ luật từ khiển trách trở lên.</p> <p>3. Hệ thống khen thưởng và kỷ luật</p> <p>Áp dụng theo Quy chế thi đua khen thưởng của Tổng công ty Phát điện 1 và Quy chế chi trả tiền thưởng cho người quản lý Công ty (theo Quy chế quản lý vốn và Người đại diện của Chủ sở hữu - Tổng công ty Phát điện 1 và Quy chế của Công ty).</p> <p>4. Tổ chức bộ máy đánh giá, khen thưởng và kỷ luật</p> <p>Công ty thành lập Hội đồng thi đua khen thưởng - kỷ luật do Tổng Giám đốc làm Chủ tịch hội đồng, Chủ tịch Công đoàn cơ sở, Bí thư Đoàn thanh niên và cấp trưởng một số bộ phận trong Công ty làm thành viên.</p>	
24	Chương IX BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN	Chương VII. BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN	
25	Điều 18. Nghĩa vụ báo cáo và công bố thông tin	Điều 27. Nghĩa vụ báo cáo và công bố thông tin	
26	<p>Điều 19. Công bố thông tin về cơ cấu tổ chức quản lý công ty</p> <p>1. Công ty phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và công bố thông tin</p>	<p>Sửa đổi Điều 28. Công bố thông tin về cơ cấu tổ chức quản lý công ty</p> <p>1. Công ty phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và công bố thông tin</p>	

	<p>về cơ cấu tổ chức quản lý và hoạt động Công ty theo quy định tại Điều 134 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>2. Trong trường hợp Công ty thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý, Công ty phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và công bố thông tin trong vòng 24 giờ kể từ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định thay đổi cơ cấu tổ chức.</p>	<p>về cơ cấu tổ chức quản lý và hoạt động Công ty theo quy định tại Điều 137 Luật Doanh nghiệp 2020.</p> <p>2. Trong trường hợp Công ty thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý, Công ty phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và công bố thông tin trong vòng 24 giờ kể từ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định thay đổi cơ cấu tổ chức.</p>	
27	Điều 20. Công bố thông tin về tình hình quản trị công ty	Điều 29. Công bố thông tin về tình hình quản trị công ty	
28	Điều 21. Tổ chức công bố thông tin	Điều 30. Tổ chức công bố thông tin	
29	Điều 22. Tổ chức thực hiện	Điều 32. Hiệu lực thi hành	
30	Điều 23. Sửa đổi, bổ sung quy chế	Điều 31. Sửa đổi, bổ sung quy chế	
31	<p>Điều 24. Hiệu lực thi hành</p> <p>1. Quy chế này gồm 12 chương, 24 điều, được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 22 tháng 5 năm 2020 và cùng chấp nhận toàn văn của Quy chế này.</p> <p>2. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kiểm soát viên và toàn thể Cán bộ công nhân viên của Công ty có trách nhiệm thi hành Quy chế này.</p>	<p>Sửa đổi Điều 32. Hiệu lực thi hành như sau:</p> <p>1. Quy chế này gồm 09 chương, 32 điều, được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày tháng năm 2021 và cùng chấp nhận toàn văn của Quy chế này.</p> <p>2. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và toàn thể Cán bộ công nhân viên của Công ty có trách nhiệm thi hành Quy chế này.</p>	